

Countable

→ Là những danh từ có thể đếm được bằng số lượng

Two apples, three chairs

→ Danh từ số ít có "a,an"

an eraser, a dictionary

→ Số nhiều thêm "s,es" trừ một số từ ngoại lệ "children, people"

five butterflies, two tomatoes

Uncountable

→ Là những danh từ không thể đếm được bằng số lượng

milk, water

→ Không đi kèm "a,an"

~~a rice~~ , ~~a cheese~~

→ Số nhiều không có "s,es" mà thường thêm "some" đằng trước.

~~two milks~~, ~~two waters~~



a một	an một	some một vài, một chút	any một vài, một chút
Đứng trước danh từ số ít đếm được a dog, a cat	Đứng trước danh từ số ít đếm được an <u>apple</u>, an <u>orange</u>	Đứng trước danh từ số nhiều <u>đếm được</u> . some apples,	Đứng trước danh từ số nhiều <u>đếm được</u> . any tables
Đứng trước các từ có âm đầu tiên là phụ âm b, c, d, g, h, ...	Đứng trước các từ có âm đầu tiên là 5 nguyên âm e, u, o, a, i an <u>egg</u>, an <u>onion</u>	Đứng trước danh từ <u>không đếm được</u> . some milk Dùng trong câu <u>khẳng định</u> . <i>We have some food in the fridge</i>	Đứng trước danh từ <u>không đếm được</u> . any water Dùng trong <u>câu hỏi và câu phủ định</u> . <i>There isn't any water left. Are there any books here?</i>